



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Công ty Cổ phần Trường Phú( TGP)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ  
NĂM BÁO CÁO: 2012**

## I- THÔNG TIN CHUNG

### 1- Thông tin khái quát:

Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**  
Tên giao dịch tiếng Anh: **TRUONG PHU JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **TRUONG PHU JSC**

Logo:



Trụ sở chính: **Lô A2- Khu CN Phúc Điền- Cẩm Giàng- Hải Dương.**

Giấy phép đăng ký kinh doanh: **ĐKKD số 0800298748 do sở Kế hoạch Đầu tư Hải Dương cấp 5 ngày 27 tháng 5 năm 2013, cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005.**

Điện thoại: **04.39878258/59**

Website: **truongphucable.vn**

Mã cổ phiếu: **TGP**

Văn phòng đại diện: **Nhà số 10, khu biệt thự II, Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội**

Vốn Điều lệ: **100 Tỷ**

## 2- Quá trình hình thành và phát triển

### • **Giai đoạn 2005-2006: Thành lập Công ty**

- Ngày 9 tháng 8 năm 2005: Công ty Cổ phần Trường Phú được chính thức cấp giấy phép kinh doanh, Công ty tự thực hiện việc đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng tại khu Công nghiệp Phúc Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương, đầu tư mua sắm dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất dây đồng chính thức đi vào hoạt động tháng 10/2006.

### • **Ngành nghề ĐKKD theo giấy phép:**

Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây và cáp, nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay gồm các mảng sau:

- Dây đồng từ  $\Phi 0,15\text{mm} - \Phi 8\text{mm}$ .
- Dây đồng mềm ( $0,5\text{mm}^2 - 10\text{mm}^2$ )
- Dây & cáp điện các loại.
- Cáp thông tin từ 10 đôi đến 1200 đôi.
- Cáp mạng. Cat 5, Cat 5e, Cat 6
- Cáp TV (Cáp đồng trục RG59, RG6, RG11...)

### • **Giai đoạn từ 2007-2011:**

Công ty khai thác triệt để dây chuyền sản xuất dây đồng và đã khẳng định được thương hiệu sản phẩm dây đồng mang nhãn hiệu TGP và tạo dựng được chỗ đứng vững chắc trên thị trường cung cấp các sản phẩm dây đồng trần của khu vực miền Bắc Việt Nam.

Đối với các sản phẩm dây và cáp điện, dây và cáp

### • **Ngày 24/06/2009: Cổ phiếu TGP chính thức giao dịch trên thị trường Upcom.**

## Định hướng phát triển:

Công ty Cổ phần Trường Phú được thành lập từ năm 2005, đã có 6 năm hoạt động kinh doanh. Đến nay, công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có tính chuyên nghiệp cao và có được lượng khách hàng đông đảo. Công ty có được sự cung cấp nguyên vật liệu ổn định và về số lượng, chất lượng và chủng loại từ các nhà cung cấp lớn của nước ngoài. Định hướng của ban lãnh đạo công ty:

- Lấy sản xuất kinh doanh các loại dây chất lượng cao làm trọng tâm
- ( ví dụ: dây đồng mềm các loại). đa dạng hóa sản phẩm và gia công hàng xuất khẩu ( cáp đồng trục, cáp LAN...) Khai thác tốt các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận cao để hỗ trợ.
- **Tầm nhìn:** Về quy mô, tổ chức, cần định hướng phát triển Công ty đến giai đoạn 2009-2013 trở thành Công ty sản xuất dây cáp và nhà cung cấp dây đồng hàng đầu tại Việt nam . Từng bước vững chắc đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá ngành nghề, đồng thời phải có chính sách

nhân sự tốt để tuyển chọn và đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

## **II- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1- Những nét nổi bật của hoạt động sản xuất và kinh doanh năm 2012:**

- Năm 2012 mặt hàng kinh doanh của Công ty vẫn chủ yếu là dây đồng, doanh số cao nhưng lợi nhuận chưa cao.
- Về việc sản xuất kinh doanh các loại dây cáp tín hiệu & dây cáp điện, TGP vẫn gặp rất nhiều khó khăn do cạnh tranh gay gắt, chưa có thị trường và cũng chưa có nguồn vốn hoạt động hợp lý cho nhóm sản phẩm này cũng như sự thiếu đồng bộ của thiết bị, chưa có sự đầu tư bổ sung hợp lý .
- Vấn đề nhân sự của mảng kinh doanh các loại cáp cũng là một vấn đề lớn của TGP, cho tới nay Công ty vẫn chưa có được những cán bộ chủ chốt có đủ năng lực cho lĩnh vực phát triển thị trường dây và cáp .
- Điểm nổi bật chính trong năm 2011 mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Ban điều hành và các cán bộ chủ chốt đã nỗ lực hết mình và đảm bảo công ty trụ vững trên thị trường, bảo toàn được vốn và tài sản của công ty, hoàn thành được kế hoạch khấu hao và mang lại lợi nhuận cho công ty.

### **2- Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty năm 2010-2011:**

Chỉ tiêu	2010 Thực hiện (Triệu đồng)	2011 Thực hiện (Triệu đồng)	Thực hiện 2011/2010	2011 Kế hoạch (Triệu đồng)	2011 TH/KH
Doanh thu	459.290	499.626	109%	658.047	76%
LN sau thuế	2.044	488	24%	5.230	9%

Như vậy so với kế hoạch đã đề ra thì mức doanh thu đạt 76% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế Công ty thực tế là chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân là do:

- Năm 2011 vẫn là một năm còn nhiều khó khăn đối với Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn tiếp tục duy trì và có tăng trưởng về sản lượng và doanh thu, song do nguồn nguyên liệu nhập vẫn chủ yếu là nhập khẩu nên chịu ảnh hưởng trực tiếp của suy thoái kinh tế toàn cầu, giá nguyên liệu và tỷ giá hối đoái thay đổi thất thường theo chiều hướng ngày càng tăng, kinh doanh của Công ty diễn ra trong môi trường cạnh tranh gay gắt và nguồn lực rất hạn chế; Vốn lưu động hoàn toàn phải đi vay để sản xuất kinh doanh, lãi suất vay ngân hàng ngày càng cao.



- Năm 2011, mặt hàng kinh doanh chủ đạo của Công ty vẫn chỉ là các sản phẩm dây đồng chiếm đến 98,5% doanh thu: cụ thể:

Diễn giải	Năm 2011		
	Sản lượng ( Tấn)	Doanh thu ( triệu đồng)	Tỷ trọng % Tổng doanh thu
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.246</b>	<b>499.626</b>	<b>100%</b>
<b>Doanh thu dây đồng</b>	<b>2.490</b>	<b>479.484</b>	<b>96,0%</b>
Doanh thu gia công dây đồng	<b>2.756</b>	12.580	<b>2,5%</b>
Doanh thu dây và cáp		7.562	<b>1,5%</b>

- Việc trích khấu hao vẫn ở mức cao như mọi năm nên cũng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty.

### 3- Các hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị trong năm 2011

- Năm 2011, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã tổ chức các phiên họp để kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra các chủ trương, đường lối chỉ đạo kịp thời.
- Thực hiện mục tiêu của Công ty năm 2011 và trong các năm tiếp theo, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được xây dựng trên tiêu chí phát triển Công ty trở thành công ty có sức thu hút đầu tư và sức cạnh tranh hàng đầu trong ngành đồng, dây và cáp điện tại Việt Nam. Hội đồng quản trị đưa ra hướng hoạt động trong năm 2011 như sau:
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, giám sát, cảnh báo, ngăn ngừa, xử lý kịp thời rủi ro trong quá trình hoạt động và đặt công tác quản trị rủi ro làm ưu tiên hàng đầu trong năm 2011.
- Nâng cao năng lực hoạt động thông qua việc nâng cao năng lực tài chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

## III- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- *Trích khấu hao tài sản cố định:*



Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với quyết định 206/2003/QĐ- BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 12/12/2003. Thời gian trích khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị: 6-12 năm
- Phương tiện vận tải: 10 năm
- Thiết bị quản lý: 5 năm

Mức trích khấu hao năm 2011 là: 8.493.746.765,đ

Trong đó:

- Xí nghiệp dây đồng: 4.041.569.111,đ
- Xí nghiệp dây cáp: 3.564.601.576,đ
- TSCĐ chung, PTVT: 887.576.078,đ

➤ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

- Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng đầy đủ.
- Các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thực hiện đúng theo luật định.

➤ **Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2010 và 31/12/2011:**

Danh mục	31/12/2011	31/12/2010
1. Phải thu của khách hàng	52.419.211.605	28.558.301.579
2. Trả trước cho người bán	2.614.884.900	700.000.000
3. Phải thu khác	1.005.538.200	
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.039.634.705</b>	<b>29.258.301.579</b>

➤ **Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2009 và 31/12/2010:**

Danh mục	31/12/2011	31/12/2010
1. Hàng tồn kho	97.561.803.481	132.899.663.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.561.803.481</b>	<b>132.899.663.596</b>

➤ **Tài sản cố định thời điểm 31/12/2010 và 31/12/2011:**

Danh mục	31/12/2011	31/12/2010
1. TSCĐ hữu hình	70.651.134.589	76.256.963.611



- Nguyên giá	108.663.771.966	105.901.061.262
- Giá trị hao mòn lũy kế	(38.012.637.377)	(29.644.097.651)
2. TSCĐ vô hình	4.997.466.144	5.122.673.183
- Nguyên giá	5.767.702.000	5.767.702.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	(770.235.856)	(645.028.817)
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.648.600.733</b>	<b>81.379.636.794</b>

➤ **Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2010 và 31/12/2011:**

Danh mục	31/12/2011	31/12/2010
1. Vay và nợ ngắn hạn	101.447.935.055	45.084.422.270
2. Phải trả người bán	44.519.016.348	196.216.508.101
3. Người mua trả tiền trước	1.796.255.645	1.393.237.644
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.549.607.707	11.824.102.002
5. Phải trả người lao động	255.216.132	246.269.148
6. Chi phí phải trả	203.600.880	161.697.069
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	639.225.500	
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.410.857.267</b>	<b>255.001.625.041</b>

Trong năm 2011, tất cả các khoản vay ngắn hạn của Công ty đều nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh dây đồng( như nhập khẩu đồng tấm cathode, nhập mua đồng nội địa trong nước,...)

➤ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,18	1,10
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,58
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	58,55	70,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	141,31	235,88
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			



Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	192,98	126,49
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,1	0,445
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	0,42	1,89
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	0,49	2,04
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	0,19	0,56
- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,10	0,51

➤ **Tổng số cổ phiếu theo từng loại**

Tính đến thời điểm 31/12/2011, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng tương đương với số cổ phiếu đang lưu hành là 10.000.000 cổ phiếu. Toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông.

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành từng loại**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 9.992.500 cổ phiếu.

- **Cổ phiếu quỹ: 7.500 cổ phiếu**

- **Cổ tức :** Năm 2008, 2009, 2010 lợi nhuận sau thuế là 3,497 tỷ đồng, với mức lợi nhuận này Năm 2011 Công ty đã chi trả cổ tức cho năm 2010 với tỷ lệ 3%.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm 2011 đạt lợi nhuận sau thuế 488 triệu đồng. Doanh thu thuần hoạt động kinh năm 2011 của TGP đạt 499,62 tỷ đồng, tăng trưởng 109% so với năm 2010 đạt 459,29 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 đạt 488 triệu đồng không tăng trưởng, chỉ đạt 24% so với năm 2010 đạt 2,044 tỷ đồng. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn chỉ là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dây đồng.

**3. Về Quản trị nội bộ**

- Trong năm 2011, Công ty đã từng bước hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý một cách khoa học, cụ thể nhằm đáp ứng đòi hỏi nhu cầu thực tế của sản xuất kinh doanh, áp dụng và hoàn thiện dần hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường công tác quản lý và nâng cao ý thức tiết kiệm trong toàn công ty.
- Công ty liên tục duy trì tính ổn định, từng bước hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, quản lý sản xuất, đảm bảo tận dụng, phát huy năng lực máy móc thiết bị hiện có. Bố trí sản xuất điều độ có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận từ Công ty cho đến các xí nghiệp trong tổ chức thực hiện, triển khai sản xuất, sử dụng lao động và thiết bị hợp lý,



đảm bảo quy trình công nghệ. Luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, tìm tòi, sáng tạo trong lao động sản xuất nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất.

- Chủ động trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2011 bằng những chiến lược hợp lý trong từng thời điểm, giai đoạn cụ thể.
- Công tác quản lý tài chính – kế toán luôn đảm bảo đúng luật pháp và chuẩn mực kế toán, tính toán nhu cầu vốn hợp lý, sử dụng vốn vay đúng mục đích, được các ngân hàng thương mại ủng hộ, từng bước cải thiện công tác quản lý và thu hồi công nợ.
- Đối với người lao động: Công ty tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động đủ năng lực, tin tưởng và yên tâm làm việc, tăng tính sáng tạo trong sản xuất – kinh doanh, đồng thời luôn đảm bảo đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động, phát động các phong trào thi đua vì sự phát triển lâu dài của Công ty.

#### **IV- KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013**

##### **1- Triển vọng phát triển Ngành**

- Năm 2012 được xem là năm nền kinh tế vẫn theo đà suy giảm kinh tế thế giới, nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi rõ nét hơn khi GDP bắt đầu tăng trưởng trở lại và lạm phát được giữ ở mức thấp, lãi suất ngân hàng đã được cắt giảm tuy vẫn còn ở mức cao,...
- Phát triển cơ sở hạ tầng tiếp tục là lĩnh vực chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài trong dài hạn. Sự hồi phục của ngành xây dựng trong năm 2012 phần lớn dựa trên những yếu tố có tính ổn định, nên sẽ tiếp tục tạo đà cho sự tăng trưởng trong 1 – 3 năm tới. Các doanh nghiệp sau giai đoạn khó khăn sẽ tăng dần đầu tư như VNPT, FPT, EVN
- Nhu cầu dây và cáp điện của các ngành như điện lực, viễn thông, sản xuất xe hơi, điện tử và viễn thông,... được dự báo là sẽ tăng cao do các ngành này đang có sự phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển của ngành điện lực và viễn thông sẽ là bước đệm cho ngành sản xuất dây cáp điện Việt Nam tăng trưởng và phát triển. Việt Nam hiện đang là một trong các nước Châu Á đứng đầu về thị trường viễn thông di động. Hiện nay cung cầu điện không cân bằng và nhu cầu về tiêu thụ điện không ngừng gia tăng. Với tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành từ 17% - 20%, ngành điện cần mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng các nhà máy điện mới nhằm đáp ứng nhu cầu của ngành, đồng thời cũng gián tiếp góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành dây cáp điện.
- Như vậy có thể khẳng định, triển vọng của ngành sản xuất và kinh doanh dây cáp điện trong tương lai là hết sức khả quan. Các Công ty trong ngành đã kỳ vọng đây sẽ là một năm phục hồi và tăng trưởng tốt hơn các năm trước.

##### **2- Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới**



- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm dây đồng chất lượng cao nhằm phát huy tối đa công suất của dây chuyền đúc đồng, kéo đồng với kế hoạch đặt ra là 6.000 tấn/năm.
- Nghiên cứu và đưa ra thị trường các loại dây và cáp điện có tính năng ưu việt hơn hẳn các loại dây và cáp điện thông thường về điện trở suất, độ bền kéo, bền uốn,...
- Hiện nay, cả nước có khoảng 60 doanh nghiệp chuyên sản xuất dây và cáp điện, tuy nhiên cũng mới chỉ đáp ứng được hơn 70% nhu cầu trong nước. Bên cạnh đó thế mạnh của dây và cáp điện Việt Nam trên thị trường thế giới là chất lượng. Đó là một lợi thế lớn khi công ty chủ trương đi sâu vào sản xuất kinh doanh các sản phẩm dây và cáp điện, cáp LAN, cáp đồng trục đồng thời đẩy mạnh gia công hàng xuất khẩu, đặc biệt tìm thị trường mới tại Trung Đông
- Định hướng của Công ty trong giai đoạn 2011 - 2014 là sẽ trở thành Công ty sản xuất dây cáp và Nhà cung cấp dây đồng hàng đầu Việt Nam.

### 3- Kế hoạch kinh doanh năm 2012:

Thông qua Hội đồng quản trị, Công ty đưa ra các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2012 (Triệu đồng)	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2012 (Triệu đồng)
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>228.018</b>	<b>272.000</b>
- Doanh thu từ sản phẩm dây đồng	226.132	269.000
- Doanh thu từ sản phẩm dây và cáp	1.886	3.000
<b>2. Chi phí SXKD</b>		<b>252.000</b>
- Giá vốn hàng bán	229.104	250.300
- Chi quản lý, bán hàng	1.793	1.700
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>2.377</b>	<b>4.000</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>12.785</b>	<b>10.000</b>
<b>5. Lợi nhuận khác</b>	<b>-13</b>	<b>0</b>
<b>6. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>-13.754</b>	<b>14.000</b>

#### Biên pháp thực hiện:

- **Sản xuất kinh doanh đồng:** Tiếp tục ổn định và nâng cao hiệu quả của phân xưởng sản xuất dây đồng. 06 tháng đầu 2012 TGP đạt doanh thu 228 tỷ đồng. Dự kiến năm 2012 đạt doanh thu 500 tỷ đồng.
  - Công ty sẽ cơ cấu và chuyển đổi một số mô hình kinh doanh như: phát triển các dây chuyền sản xuất Cáp mới, thanh lý bớt các máy móc dư thừa, không hiệu quả ... sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn.
  - **Sản xuất kinh doanh cáp điện :** Xác định việc sản xuất dây cáp điện trong tương lai là sản phẩm không thể thiếu của TGP . Ban điều hành đề nghị HĐQT công ty đồng ý Phương án đầu tư thiết bị sản xuất cáp điện lõi đồng và lõi nhôm hạ thế.
  - **Kế hoạch cho xưởng sản xuất cáp viễn thông hiện nay:**
    - **Hiện trạng:** Xưởng cáp viễn thông là công trình có đầu tư rất lớn ( chiếm khoảng 45% số vốn pháp định) nhưng không mang lại hiệu quả do nhu cầu thị trường xuống quá thấp dẫn đến TGP không thể đưa vào hoạt động phần thiết bị đã đầu tư này vào hoạt động. Hiện nay xưởng này chỉ có thể sử dụng để sản xuất các loại dây điện dân dụng thông thường theo TCVN, và chỉ có thể đảm bảo tận dụng được chưa đến 20% số vốn đã đầu tư vào sản xuất cáp viễn thông, tương đương 7% vốn pháp định hiện nay. Như vậy vốn đầu tư của TGP (là gần 40% vốn pháp định ) vào sản xuất cáp viễn thông không có cơ hội thu hồi vốn.
    - Đề xuất phương án thu hồi vốn đầu tư của xưởng cáp viễn thông:
      - ☞ Tận dụng để sản xuất dây điện dân dụng : có thể tận dụng được số thiết bị giá trị khoảng 8-9 tỷ đồng.
      - ☞ Đầu tư thêm thiết bị để sản xuất các loại cáp tín hiệu cao cấp có thể tận dụng được thêm số thiết bị có giá trị đến 7-8 tỷ đồng.
      - ☞ Đầu tư sản xuất cáp điện hạ thế: có thể tận dụng thêm được các thiết bị trị giá khoảng 2 tỷ VNĐ. ( việc này còn gián tiếp tạo thêm nguồn thu từ việc sản xuất đồng).
- Kinh phí của việc đầu tư bổ sung cũng như dự kiến nguồn lợi thu được sẽ được trình bày sau khi có sự chấp thuận của HĐQT về chủ trương.

- **Các biện pháp khác :**

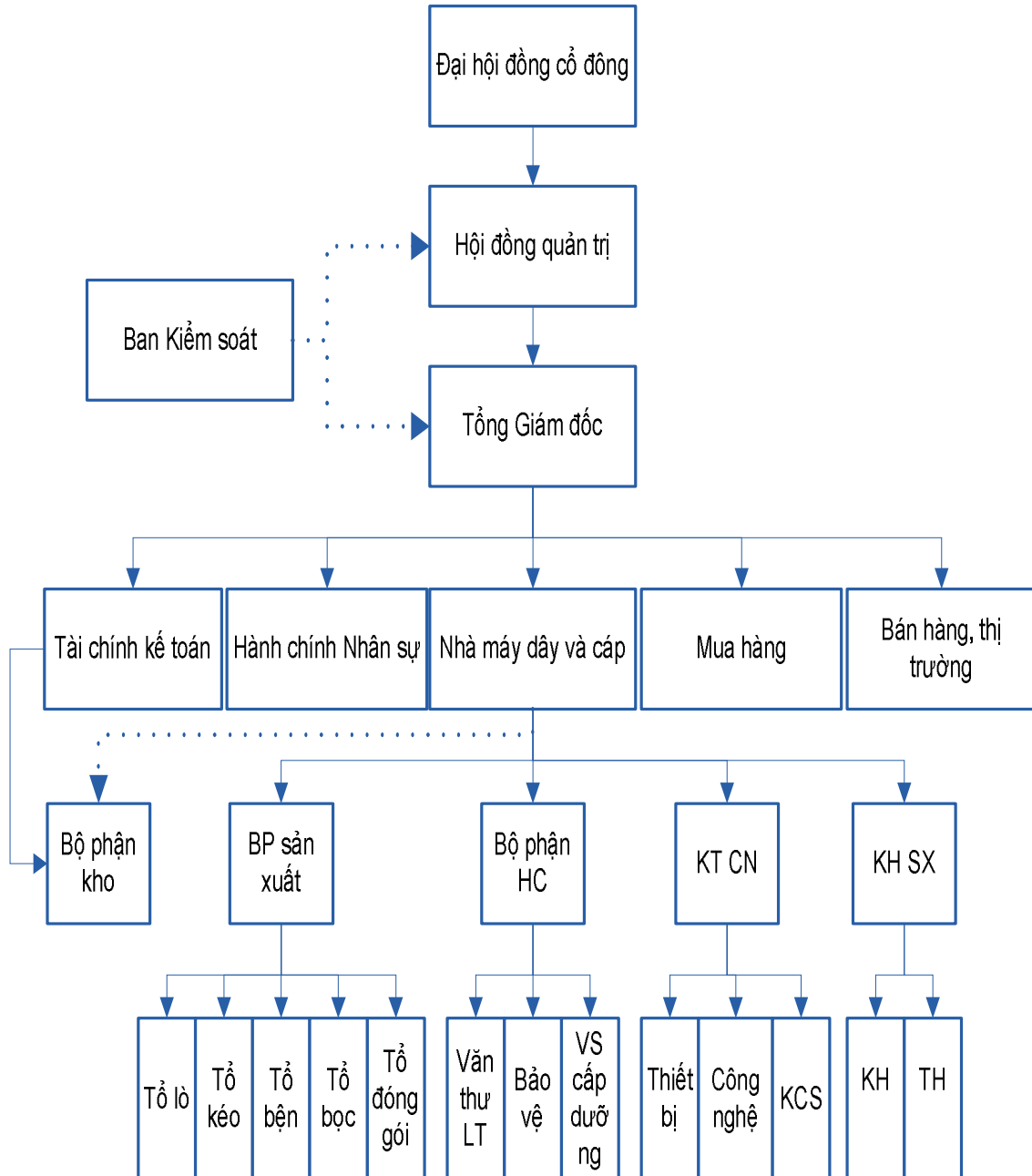
Nhằm thu hồi một phần vốn đầu tư trước đây nhưng chưa mang lại hiệu quả, hiện nay TGP cũng đang nỗ lực tìm kiếm và lựa chọn đối tác phù hợp để cho thuê mặt bằng của xưởng 4 được xây dựng trước đây phục vụ cho dự án sản xuất cáp viễn thông. Tuy nhiên việc cho thuê mặt bằng sẽ phải đảm bảo không ảnh hưởng xấu đến cho hoạt động hiện nay của TGP.



Trên đây là một số giải pháp chung có tính chất định hướng để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2011 của Công ty. Vì vậy bên cạnh việc thảo luận đóng góp bổ sung hoàn chỉnh các giải pháp, tùy điều kiện và tình hình cụ thể Ban Điều hành Công ty sẽ có những kế hoạch, giải pháp cụ thể trình HĐQT để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao cho.

## V- TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

### 1- Mô hình tổ chức





## 2- Số lượng người lao động trong công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình, tổng số lượng người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011 là 48 người, trong đó:

1 - Đại học và trên Đại học	16
2 - Cao đẳng	6
3 - Trung cấp, học nghề	18
4 - Lao động phổ thông	8
<b>Tổng cộng</b>	<b>50</b>

## 3- Chính sách đối với người lao động

### *Chính sách việc làm*

- Tạo cơ hội làm việc công bằng cho tất cả mọi nhân viên của Công ty. Không một nhân viên nào làm việc ở bất kể bộ phận nào của Công ty bị phân biệt đối xử vì tôn giáo, đảng phái, dân tộc, tuổi tác, giới tính, tàn tật, hay tình trạng của quá khứ.
- Chính sách của Công ty là tạo cơ hội làm việc bình đẳng và tuyển dụng nhân viên trên một cơ sở duy nhất đó là khả năng và trình độ và chuẩn mực đạo đức đáp ứng nhu cầu công việc cần đảm đương. Công ty chỉ chọn những có năng lực và phù hợp nhất để đảm đương các cương vị làm việc thích hợp.
- Mọi nhân viên được tuyển dụng vào Công ty đều phải qua thời gian thử việc và thử thách. Mục đích của thời gian này là để nhân viên mới đánh giá xem họ có thật sự phù hợp và thích ứng với công việc cũng như cơ hội mà Công ty cung cấp hay không. Mặt khác, đây cũng là thời gian giúp cho cán bộ quản lý xem xét và đánh giá về năng lực, đạo đức, tác phong và khả năng hoà nhập của nhân viên mới trước khi có quyết định tiếp nhận chính thức.
- Chính sách của Công ty là mọi nhân viên trừ người làm vụ mùa ngắn hạn, đều phải có hợp đồng lao động theo quy định của Luật.

### *Chính sách lương*

- Công ty trả lương trên cơ sở dựa vào các yếu tố bao gồm vị trí công việc, kiến thức và kỹ năng công việc đòi hỏi, mức độ cạnh tranh trên thị trường lao động và mức độ hoàn thành công việc của CBCNV. Dựa vào vị trí công việc, thang lương sẽ được xây dựng phù hợp. Vậy quyết định về toàn bộ chế độ lương thưởng phải tính đến điều kiện kinh tế và vị trí cạnh tranh cũng như chiến lược chung của Công ty.
- Việc đánh giá thành tích, kết quả của mỗi nhân viên phải được đánh giá thường xuyên bởi Giám đốc bộ phận/ Giám đốc chi nhánh. Đánh giá phải bằng văn bản và cập nhật vào hồ sơ. Công ty có thể có



khoản trợ cấp thôi việc cho các nhân viên chấm dứt việc làm trong những hoàn cảnh và trường hợp giới hạn. Công ty sẽ xác định các điều khoản và điều kiện cho trợ cấp thôi việc và thông báo cho mọi nhân viên biết theo quy định của luật pháp hiện hành.

### ***Kế hoạch đào tạo***

- Mọi nhân viên có hợp đồng lao động chính thức với Công ty đều có quyền được đào tạo. Công ty chú trọng đến đào tạo, huấn luyện và coi nhân viên là tài sản quý nhất của Công ty; tổ chức, hỗ trợ việc đào tạo và huấn luyện nhân viên.
- Hàng năm, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn mở tại khu vực và tại Công ty.
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.

### ***Chính sách khen thưởng, phúc lợi***

- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo.
- Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát, hàng tháng đều tổ chức sinh nhật cho những nhân viên sinh nhật trong tháng.
- Hàng năm, Công ty có chế độ nghỉ và nghỉ phép có lương cho nhân viên chính thức, làm cả ngày và làm một phần thời gian, theo quy định của Luật.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty đang thực hiện chương trình xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, tạo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.
- Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

## **4- Hội đồng quản trị Công ty:**

### ***Cơ cấu nhân sự***

- |                    |                                |
|--------------------|--------------------------------|
| 1. Đỗ Văn Trắc     | Chủ tịch HĐQT                  |
| 2. Lê Thanh Sơn    | Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc |
| 3. Nguyễn Trung Hà | Thành viên HĐQT                |



- |                     |                 |
|---------------------|-----------------|
| 4. Nguyễn Hồng Việt | Thành viên HĐQT |
| 5. Lương Hoài Nam   | Thành viên HĐQT |

### ***Hoạt động trong năm***

Với tình hình kinh tế thị trường tài chính diễn biến bất thường gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với cá quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã có 04 phiên họp quyết định các nội dung quan trọng sau:

- Đồng ý việc chuẩn bị cho công tác mua sắm để thay thế lò đúc đồng UPCAST 10 tấn, mới 100% của Phần Lan, chi phí dự kiến là 110,000.00UER để đảm bảo cho hoạt động đúc đồng không bị ngưng trệ trong sản xuất kinh doanh
- Đồng ý mua ô tô 07 chỗ Hyundai Santafe sản xuất tại Hàn Quốc, kinh phí mua xe dự kiến khoảng 1,2 tỷ
- Thông qua việc lựa chọn thành viên mới cho Hội đồng quản trị và ban kiểm soát.
- Thống nhất thời gian và nội dung đại hội cổ đông thường niên.
- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 và kế hoạch kinh doanh năm 2012.

### **5- Ban Kiểm soát:**

#### ***Cơ cấu nhân sự***

Hiện tại số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên, danh sách thành viên ban kiểm soát:

- |                     |                      |
|---------------------|----------------------|
| 1. Lê Ngọc Sỹ       | Trưởng ban kiểm soát |
| 2. Bùi Thị Luột     | Thành viên BKS       |
| 3. Nguyễn Thành Nam | Thành viên BKS       |

### ***Hoạt động trong năm***

Trong năm 2011, với nhiệm vụ được qui định tại Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty CP Trường Phú tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty cụ thể như:

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011.
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.





- Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế, qui định của Công ty.

## **VI- TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

### **1- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT và Ban KS**

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2011 là 100 triệu đồng.

### **2- Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 27/7/2012**

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Thanh Sơn	11077454	Số 123, Ngõ 164, Vương Thừa Vũ, Q. Thanh Xuân, HNội	1.951.307	19,53%
2	Đỗ Văn Trác	23424568	Số 32, Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3, Hồ Chí Minh	1.938.070	19,40%
3	Trần Lan Phương	23981429	Số 68/2, Đường CMT8, Phường 5, Tân Bình, Hồ Chí Minh	594.500	5,95%

- **Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông trong nước</b>			
Tổ chức trong nước	4	317.520	3,18%
Cá nhân trong nước	474	9.648.955	96,49%
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>			
Tổ chức nước ngoài	0	0	0
Cá nhân nước ngoài	2	33.525	0,33
<b>Tổng cộng</b>	<b>525</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100</b>

## **VII- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

---

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**  
Năm 2012

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38 205.944–08.38 205.947; Fax: 08.38 205.942

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	10-11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012	12 – 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ Phần Trường Phú là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000313, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất và Thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây cáp và nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị:

Ông Đỗ Văn Trắc	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hà	Thành viên
Ông Lương Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Việt	Thành viên

### Ban Kiểm soát:

Ông Lê Ngọc Sỹ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Luột	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Kế toán trưởng

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;

874  
T  
H  
P  
29  
T  
U  
U  
H  
U  
V  
E  
T  
C  
T  
O  
A  
N  
A  
M  
S  
C  
Y

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2013

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Lê Thanh Sơn**



Số: 318/BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ Phần Trường Phú***Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Trường Phú.  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ Phần Trường Phú** được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Trường Phú** tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2013

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV: Đ.0064/KTV

**Kiểm toán viên****Tạ Quang Tạo**

Chứng chỉ KTV: Đ.0055/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>401.103.826.000</b>	<b>179.305.585.800</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1.</b>	<b>110.211.578.783</b>	<b>18.384.244.403</b>
1. Tiền	111	1.1	7.665.578.783	799.814.653
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.2	102.546.000.000	17.584.429.750
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2.</b>	<b>16.962.000.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.962.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3.</b>	<b>72.921.610.684</b>	<b>56.039.634.705</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	3.1	68.795.023.114	52.419.211.605
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	2.211.318.902	2.614.884.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	1.915.268.668	1.005.538.200
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>184.347.105.164</b>	<b>97.561.803.481</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.1	184.347.105.164	97.561.803.481
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>16.661.531.369</b>	<b>7.319.903.211</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	6.815.481.012	4.186.695.011
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	4.529.355.521	3.098.383.687
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	5.316.694.836	34.824.513
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>71.364.750.082</b>	<b>79.594.438.982</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>70.313.072.874</b>	<b>78.886.836.321</b>
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>65.437.512.638</b>	<b>70.651.134.589</b>
- Nguyên giá	222		112.818.128.491	108.663.771.966
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.380.615.853)	(38.012.637.377)
<b>3. TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7.</b>	<b>4.875.560.236</b>	<b>4.997.466.144</b>
- Nguyên giá	228		5.767.702.000	5.767.702.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(892.141.764)	(770.235.856)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>			<b>3.238.235.588</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8.</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		175.000.000	175.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>876.677.208</b>	<b>532.602.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		876.677.208	532.602.661
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>472.468.576.082</b>	<b>258.900.024.782</b>

10298746

CÔNG TY  
PHẢI  
ĐÓNG PE

VG-T.H

011726  
CÔNG TY  
NHỆM HỮU  
VỤ TƯ  
LẬP KẾ  
KIỂM TỐ  
HÓA NA

TP.HC

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>367.572.310.132</b>	<b>151.609.667.331</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>367.572.310.132</b>	<b>151.609.667.331</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	218.939.050.614	101.447.935.055
2. Phải trả người bán	312	10.2	134.924.470.084	44.519.016.348
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	6.800.970.197	1.796.255.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	4.991.177.193	2.549.607.707
5. Phải trả người lao động	315	10.5	228.951.010	255.216.132
6. Chi phí phải trả	316	10.6	203.600.670	203.600.880
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.7	1.181.610.300	639.225.500
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	10.8	302.480.064	198.810.064
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học mà công nghệ	339			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>104.896.265.950</b>	<b>107.290.357.451</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>104.896.265.950</b>	<b>107.290.357.451</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Nguồn vốn lưu động chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(75.000.000)	(75.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(416.649.972)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.327.614.600	3.327.614.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.433.657.449	1.273.657.449
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		209.993.901	3.180.735.374
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>472.468.576.082</b>	<b>258.900.024.782</b>





**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại -USD			786.24	1,327.92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	513.767.043.744	499.626.758.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	14	513.767.043.744	499.626.758.717
4. Giá vốn hàng bán	11	15	505.069.662.606	482.917.612.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.697.381.138	16.709.146.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	7.541.281.089	9.396.399.263
7. Chi phí tài chính	22	17	11.213.781.673	21.703.203.294
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.979.329.895	3.534.221.127
8. Chi phí bán hàng	24		970.015.730	727.187.671
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.772.002.041	3.163.951.799
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		282.862.783	511.203.061
11. Thu nhập khác	31	18	102.415.314	100.400.573
12. Chi phí khác	32	19	148.453.814	108.986.220
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(46.038.500)	(8.585.647)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		236.824.283	502.617.414
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	49.665.756	14.172.652
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		187.158.527	488.444.762
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	18,73	49

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*

080029874  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TRƯỜNG P  
H. CẨM GIÀNG - T. HẢI DƯƠNG  
011729  
CÔNG TY  
NHIỆM HỮU  
VỤ TƯ V  
KINH KẾ T  
KIỂM TOÁN  
HẢI NAM  
TP. HỒ C

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>236.824.283</b>	<b>502.617.414</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	9.489.884.384	8.493.746.765
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(271.742.049)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.822.564.330)	(7.448.395.156)
- Chi phí lãi vay	06	8.979.329.895	3.534.221.127
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>11.611.732.183</b>	<b>5.082.190.150</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18.339.300.663)	(26.781.333.126)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(86.785.301.683)	35.337.860.115
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	98.666.423.288	(159.797.374.306)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2.972.860.548)	(2.768.633.319)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.979.329.895)	(3.534.221.127)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(124.970.136)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.928.401.268	7.104.292.173
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.345.216.228)	(2.398.220.344)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(12.340.422.414)</b>	<b>(147.755.439.784)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(960.401.437)	(6.000.946.292)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	96.500.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(622.605.976.259)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		693.275.761.202
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52.117.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	35.155.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.756.507.174	7.448.395.156
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.069.394.263)</b>	<b>72.117.233.807</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu của DN đã p/hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	398.315.775.415	244.110.424.378
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(280.824.659.856)	(187.746.911.593)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.243.018.200)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>115.248.097.359</b>	<b>56.363.512.785</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50=20+30+40)	50	91.838.280.682	(19.274.693.192)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.384.244.403	37.658.937.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.946.302)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	110.211.578.783	18.384.244.403

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Trường Phú là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000313, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Vốn điều lệ của công ty là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và Thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây cáp và nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

### II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

#### 1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III Chế độ kế toán áp dụng:

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### IV Các chính sách kế toán áp dụng:

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

#### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

##### 2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

3296746

NG TY  
PHẢI  
KING PH

G-T.HẢI

01172

ÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
VỤ TƯ  
LÍNH KẾ  
KIỂM TI  
LÍ A NA

TP.HC

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Căn cứ vào khả năng và tình hình tiêu thụ của khách hàng

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

**6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**6.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phạt trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phạt trội trong kỳ đó.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

*Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh*

### 6.2 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

**6.3.1.** Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**6.3.2.** Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

### 6.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### 7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 8. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### 9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

#### 9.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### *Ghi nhận cổ tức:*

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### *9.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### *10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:*

#### *10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

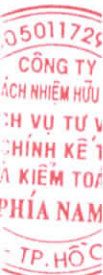
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### *10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

**1.1- Tiền**

**a. Tiền mặt (VND)**

**b. Tiền gửi ngân hàng**

**- Tiền gửi ngân hàng (VND)**

- Ngân hàng Agribank- CN Thăng Long

- Ngân hàng BIDV Hải Dương

- Ngân hàng NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex

- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình

- Ngân hàng SHB Hội Sở

- Ngân hàng Standard Chartered Bank

- Ngân hàng SACOMBANK Hà Nội

- Ngân hàng SEABANK- CN Long Biên

- Ngân hàng Vietinbank- CN Hải Dương

- Ngân hàng Techcombank Chương Dương

- Ngân hàng VCB Hải Dương

- Ngân hàng VIB Long Biên

**-Tiền gửi ngân hàng (USD)**

- Ngân hàng BIDV Hải Dương (# 91.58 USD)

- Ngân hàng PGB Hà Nội (# 84.63 USD)

- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (# 22.15 USD)

- Ngân hàng Sacombank Hà Nội (# 59.86 USD)

- Ngân hàng TCB Chương Dương (# 41.05 USD)

- Ngân hàng VCB Hải Dương (# 300.00 USD)

- Ngân hàng VIB Long Biên (# 186.77 USD)

**1.2- Các khoản tương đương tiền**

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH Vietinbank Hải Dương

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH SHB

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH Techcombank

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH Seabank- Long biên

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình

- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH VIB- CN Long Biên

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1.1- Tiền</b>	<b>7.665.578.783</b>	<b>799.814.653</b>
<b>a. Tiền mặt (VND)</b>	<b>124.224.190</b>	<b>180.820.786</b>
<b>b. Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>7.541.354.593</b>	<b>618.993.867</b>
<b>- Tiền gửi ngân hàng (VND)</b>	<b>7.524.990.933</b>	<b>590.626.921</b>
- Ngân hàng Agribank- CN Thăng Long		2.637.577
- Ngân hàng BIDV Hải Dương	2.123.337.245	84.902.334
- Ngân hàng NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex	3.902.841	3.797.541
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình	245.593.756	59.056.983
- Ngân hàng SHB Hội Sở	109.145.511	4.924.491
- Ngân hàng Standard Chartered Bank	3.265.895	65.473.395
- Ngân hàng SACOMBANK Hà Nội	2.696.010	4.874.239
- Ngân hàng SEABANK- CN Long Biên	10.040.120	
- Ngân hàng Vietinbank- CN Hải Dương	173.822.432	
- Ngân hàng Techcombank Chương Dương	4.674.631.944	282.676.794
- Ngân hàng VCB Hải Dương	5.389.879	5.272.000
- Ngân hàng VIB Long Biên	173.165.300	77.011.567
<b>-Tiền gửi ngân hàng (USD)</b>	<b>16.363.660</b>	<b>28.366.946</b>
- Ngân hàng BIDV Hải Dương (# 91.58 USD)	1.904.864	14.947.366
- Ngân hàng PGB Hà Nội (# 84.63 USD)	1.765.736	1.470.330
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (# 22.15 USD)	460.941	1.294.976
- Ngân hàng Sacombank Hà Nội (# 59.86 USD)	1.245.986	1.413.586
- Ngân hàng TCB Chương Dương (# 41.05 USD)	854.016	2.162.045
- Ngân hàng VCB Hải Dương (# 300.00 USD)	6.244.500	5.325.069
- Ngân hàng VIB Long Biên (# 186.77 USD)	3.887.618	1.753.574
<b>1.2- Các khoản tương đương tiền</b>	<b>102.546.000.000</b>	<b>17.584.429.750</b>
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương		3.290.000.000
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH Vietinbank Hải Dương	31.950.000.000	
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH SHB		3.400.000.000
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH Techcombank	64.996.000.000	
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH Seabank- Long biên	3.500.000.000	
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình	2.100.000.000	3.614.429.750
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH VIB- CN Long Biên		7.280.000.000
<b>Cộng</b>	<b>110.211.578.783</b>	<b>18.384.244.403</b>



**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

**2.1- Đầu tư ngắn hạn**

- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương

- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH Vietinbank

- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH MB Mỹ Đình

- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH Techcombank

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>2.1- Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>16.962.000.000</b>	-
- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương	2.512.000.000	
- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH Vietinbank	6.300.000.000	
- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH MB Mỹ Đình	1.550.000.000	
- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH Techcombank	6.600.000.000	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**2.2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

<b>Cộng</b>	<b>16.962.000.000</b>	<b>-</b>
-------------	-----------------------	----------

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**3.1- Phải thu khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Xây dựng số 1 - Cofico	606.900.237	349.562.400
- CN Công ty Cổ Phần đầu tư NL XD TM Hoàng Sơn - TT VLXD Hoàng Sơn		62.828.480
- Công ty Cổ Phần Cơ điện Trần Phú		495.374.880
- Công ty Cổ Phần Công nghiệp Tự Cường		39.703.400
- Công ty Cổ Phần đầu tư phát triển nhà Hà Nội số 5		6.600.300
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Trúc Bạch		60.275.800
- Công ty Cổ Phần Đầu tư và xây dựng HUD4		146.530.902
- Công ty Cổ Phần đầu tư và XD Bưu điện( PTIC)		1.948.723.578
- Công ty Cổ Phần Đầu tư XD Dân dụng Hà Nội		6.034.050
- Công ty Cổ Phần dây cáp truyền hình Việt Nam		3.073.389
- Công ty Cổ Phần ĐT & PT XD Trường Thành		176.726.213
- Công ty Cổ Phần IFO Đầu tư phát triển Công Nghệ		8.176.339
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn CN Thiên Phú		23.686.106.148
- Công ty Cổ Phần Thi công cơ giới & Đầu tư xây dựng -VIMCC		867.556.615
- Công ty Cổ Phần Thông tin - Truyền thông (MIC)		840.926.811
- Công ty Cổ Phần Thương mại và tin học Việt Cường		33.002.750
- Công ty Cổ Phần Tích hợp hệ thống CTS		49.391.740
- Công ty Cổ Phần TIPHA		129.880.448
- Công ty Cổ Phần Viễn thông Thăng Long		1.283.021.717
- Công ty CP Cơ điện Trần Phú	19.476.146.147	
- Công ty CP Công nghiệp Thiên Phú Việt Nam	133.487.082	
- Công ty CP Đầu tư Trúc Bạch	60.275.800	
- Công ty CP đầu tư và XD Bưu điện( PTIC)	1.948.723.578	
- Công ty CP Đầu tư, xây dựng và viễn thông Thăng Long	174.240.000	
- Công ty CP ĐT & PT XD Trường Thành	42.262.885	
- Công ty CP IFO Đầu tư phát triển Công Nghệ	10.530.509	
- Công ty CP Tập đoàn CN Thiên Phú	25.981.373.705	
- Công ty CP Thi công cơ giới & Đầu tư xây dựng -VIMCC	817.556.615	
- Công ty CP Thông tin - Truyền thông (MIC)	840.926.811	
- Công ty CP Thương mại và tin học Việt Cường	27.462.600	
- Công ty CP Tích hợp hệ thống CTS	29.391.740	
- Công ty CP TIPHA	129.880.448	
- Công ty CP TM và DV Bảo An	1.103.786.247	
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	1.283.021.717	
- Công ty TNHH Bách Thông	2.507.963.138	2.507.963.138
- Công ty TNHH cáp điện SH-VINA	25.489.696	
- Công ty TNHH Công nghệ và TM Gia Kiệt		22.908.874
- Công Ty TNHH Công Nghiệp và kỹ Thuật Điện		1.925.000
- Công ty TNHH đầu tư PT công nghệ An Ninh	48.636.506	4.673.856
- Công ty TNHH Dây và cáp điện Lucky Sun	11.572.587.952	11.626.651.498



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2012**

- Công ty TNHH Điện tử và Phát Triển Công Nghệ Đại Thành	3.700.400	5.101.600
- Công ty TNHH Đông Vũ		147.962.936
- Công ty TNHH MTV DV nhà ở và khu đô thị		40.545.856
- Công ty TNHH Ngân Xuyên		4.833.019.502
- Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Hệ thống		7.480.000
- Công ty TNHH thiết bị tin học Huy Anh		75.533.748
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Việt Kim		2.434.086.000
- Công ty TNHH TM & SX An Phú Thịnh	1.927.504.321	379.670.312
- Công ty TNHH TM Nhật Nam		27.355.160
- Công ty TNHH TM và XNK Cali	15.538.000	
- Công ty TNHH VINACOMPOUND		27.901.335
- Công ty TNHH XNK ST Việt Nam		55.299.850
- Xí nghiệp 108 - Công ty cổ phần xây dựng số 2	27.636.980	27.636.980
<b>3.2- Trả trước cho người bán</b>	<b>2.211.318.902</b>	<b>2.614.884.900</b>
- Công ty TNHH Cường Hưng	700.000.000	700.000.000
- Công ty TNHH Đông Vũ		1.914.884.900
- Công ty CP bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	1.430.000	
- Công ty CP đầu tư & Dịch vụ Thương mại Nam Việt	5.500.000	
- QINGDAO HENGBOYUAN CHEMICAL CO.,LTD	8.380.000	
- Công ty TNHH TMDV Tân Việt Kim	362.145.270	
- Glencore international AG	1.133.863.632	
<b>3.3- Phải thu khác</b>	<b>1.915.268.668</b>	<b>1.005.538.200</b>
- Nguyễn Trung Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
- Kinh phí công đoàn		5.538.200
- Lãi tiền gửi (NH TMCP Công thương - CN Hải Dương)	188.825.000	
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình)	62.925.000	
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng Techcombank Chương Dương)	587.026.668	
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng BIDV Hải Dương)	76.492.000	
<b>Cộng</b>	<b>72.921.610.684</b>	<b>56.039.634.705</b>

30298748

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TRƯỜNG PHÚ

HẢI DƯƠNG

011725

CÔNG TY  
NHÌM HỮUVỤ TƯ  
LÍNH KẾ

KIỂM TOÁN

HẢI DƯƠNG

TP. HỒ

**4. HÀNG TỒN KHO****4.1- Giá gốc hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	62.100.623.636	30.735.312.320
- Công cụ, dụng cụ	74.767.000	
- Chi phí SX KD DD	1.436.926.119	1.867.489.595
- Hàng hóa	86.261.157.914	227.346.299
- Thành phẩm tồn kho	34.473.630.495	64.731.655.267

**4.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

<b>Cộng</b>	<b>184.347.105.164</b>	<b>97.561.803.481</b>
-------------	------------------------	-----------------------

**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC****5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>5.2- Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>4.529.355.521</b>	<b>3.098.383.687</b>
- Thuế GTGT		647.860.824
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.529.355.521	2.450.522.863

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

<b>5.3- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>5.316.694.836</b>	<b>34.824.513</b>
<i>*Tạm ứng</i>	<i>59.065.900</i>	<i>32.713.050</i>
- Hồ Đức Thành	20.000.000	138.550
- Lê Thanh Quang		300.000
- Ngô Kim Loan	400.000	400.000
- Trịnh Thế Dũng		1.290.800
- Vũ Văn Cường		2.000.000
- Đỗ Văn Bích	2.666.000	2.666.000
- Nguyễn Văn Tuyền		3.000.000
- Lê Thị Trang		3.000.000
- Hoàng Anh Tuấn		4.000.000
- Lê Sơn Cương		15.917.700
- Nguyễn Ngọc Vương	1.000.000	
- Lê Phương Thảo	1.500.000	
- Nguyễn Thị Thanh Hương	10.000.000	
- Trần Văn Tuấn	11.000.000	
- Nguyễn Văn Quân	2.000.000	
- Nguyễn Đình Nhân	2.000.000	
- Nguyễn Thị Thanh Hải	8.499.900	
<i>* Các khoản ký quỹ</i>	<i>5.257.628.936</i>	<i>2.111.463</i>
- Ký quỹ ngắn hạn tại Techcombank -Hội Sở chính (# 252,600 USD)	5.255.162.380	
- Ký quỹ ngắn hạn tại VCB Hải Dương ( # 118.56 USD)	2.466.556	2.111.463
<b>Cộng</b>	<b>16.661.531.369</b>	<b>7.319.903.211</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1 Số dư đầu năm	85.919.686.432	18.796.914.404	175.101.872	3.772.069.258		108.663.771.966
2 Số tăng trong năm	4.122.492.480		76.144.545			4.198.637.025
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	532.512.546		76.144.545			608.657.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.589.979.934					3.589.979.934
- Tăng khác						
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>44.280.500</b>					<b>44.280.500</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	44.280.500					44.280.500
- Giảm khác						
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>89.997.898.412</b>	<b>18.796.914.404</b>	<b>251.246.417</b>	<b>3.772.069.258</b>		<b>112.818.128.491</b>
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>						
1 Số dư đầu năm	32.103.805.783	4.460.361.495	83.560.536	1.364.909.563		38.012.637.377
2 Số tăng trong năm	8.127.521.190	839.441.132	37.646.878	377.206.932		9.381.816.132
- Khấu hao trong năm	8.127.521.190	839.441.132	37.646.878	377.206.932		9.381.816.132
- Tăng khác						
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>13.837.656</b>					<b>13.837.656</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	13.837.656					13.837.656
- Giảm khác						
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>40.217.489.317</b>	<b>5.299.802.627</b>	<b>121.207.414</b>	<b>1.742.116.495</b>		<b>47.380.615.853</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu năm	53.815.880.649	14.336.552.909	91.541.336	2.407.159.695		70.651.134.589
2 Tại ngày cuối năm	49.780.409.095	13.497.111.777	130.039.003	2.029.952.763		65.437.512.638

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 60.381.824.095 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**7. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐVH	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1 Số dư đầu năm	5.723.202.000			44.500.000	5.767.702.000
2 Số tăng trong năm					
Bao gồm:					
- Mua trong năm					
- Tặng khác					
3 Số giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	5.723.202.000			44.500.000	5.767.702.000
4 Số dư cuối năm					
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
1 Số dư đầu năm	727.510.405			42.725.451	770.235.856
2 Số tăng trong năm	121.770.252			135.656	121.905.908
- Khấu hao trong năm	121.770.252			135.656	121.905.908
- Tặng khác					
3 Số giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	849.280.657			42.861.107	892.141.764
4 Số dư cuối năm					
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	4.995.691.595			1.774.549	4.997.466.144
2 Tại ngày cuối năm	4.873.921.343			1.638.893	4.875.560.236

- Giá trị còn lại năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.870.810.236 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.000.000 đồng

80029874

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TRƯỜNG PHÚ

HANG-T.M

011729

CÔNG TY  
NHÌEM HUU I  
VU TU V  
INH KE T  
KIEM TOI  
LIA NAM  
TP. HO C

21

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

- Công ty Thủy Điện Miền Trung VN

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

175.000.000

175.000.000

**175.000.000**

**175.000.000**

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

**9.1- Chi phí trả trước dài hạn**

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

876.677.208

532.602.661

876.677.208

532.602.661

**876.677.208**

**532.602.661**

**10. NỢ NGẮN HẠN**

**10.1- Vay và nợ ngắn hạn**

- Vay ngắn hạn VNĐ- VIB Long Biên

- Vay ngắn hạn VNĐ- BIDV Hải Dương

- Vay ngắn hạn VNĐ- MB Mỹ Đình

- Vay ngắn hạn VNĐ- TCB Chương Dương

- Vay ngắn hạn VNĐ- Vietinbank Hải Dương

- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- TCB Chương Dương (# 2,157,115.58 USD)

- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- BIDV Hải Dương

- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- VIBank CN Long Biên (# 341,001.60 USD)

**10.2- Phải trả người bán**

- BHP Billiton Marketing AG (Singapore branch) (# 4,820,281.94 USD)

- Công ty Bách Thông( TNHH)

- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kho vận A+

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang

- Công ty CP Tư vấn và DV Kinh doanh Việt

- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Hải Dương

- Công ty TM& VT Hàng Mạnh Long

- Công ty TNHH TM và Dịch Vụ vận tải Duyên Hải

- Công ty TNHH Đông Vũ

- Công ty TNHH Ngân Xuyên

- Công ty TNHH sản xuất xây lắp Thái Hưng

- Công ty TNHH VINACOMPOUND

- Daewoo International Corporation( # 1,637,829.42 usd)

- Glencore international AG

- UPCAST OY

**10.3- Người mua trả tiền trước**

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM và công nghệ V.Long

- Công ty CP dây cáp truyền hình Việt Nam

Số cuối năm

Số đầu năm

**218.939.050.614**

**101.447.935.055**

9.968.044.605

1.800.000.000

70.259.880.066

39.999.994.893

14.926.289.383

31.813.300.000

44.877.247.210

7.094.294.457

**134.924.470.084**

100.282.519.050

49.500.000

3.590.162

34.650.000

31.649.256

79.946.823

13.800.000

258.647.739

46.474.340

49.822.750

34.073.869.964

**6.800.970.197**

1.000.000

23.862.383.416

75.785.551.639

**44.519.016.348**

21.567.559.904

479.678.200

2.316.702

376.066.682

6.688.014

22.687.500

21.677.111.946

386.907.400

**1.796.255.645**

59.999.370

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

- Công ty CP dây và cáp điện Hàn Quốc	5.217.475	
- Công ty CP Kim loại màu Bắc Hà		1.673.647.505
- Công ty CP Kim loại màu Ngọc Sơn		10.000.000
- Công ty CP Tập đoàn HANAKA		
- Công ty CP Thương mại và Kỹ thuật A.C.T	17.300.000	
- Công ty CP Thủy điện Páchiển		29.500.000
- Công ty TNHH Đông Vũ	3.189.287.521	
- Công ty TNHH SXTM & XNK Lụa Tuyết	352.937.693	
- Công ty TNHH thiết bị tin học Huy Anh	27.636.980	
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Việt Kim	3.207.590.528	
- Công ty TNHH TM và XNK Cali		9.185.520
- DNTN Kiên Chung		13.923.250
<b>10.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>4.991.177.193</b>	<b>2.549.607.707</b>
- Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp	63.838.408	139.142.788
- Thuế Thu nhập Cá nhân	135.000	140.249.864
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.529.355.521	2.270.215.055
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	397.848.264	
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>10.5- Phải trả người lao động</b>	<b>228.951.010</b>	<b>255.216.132</b>
<b>10.6- Chi phí phải trả</b>	<b>203.600.670</b>	<b>203.600.880</b>
<b>10.7- Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>1.181.610.300</b>	<b>639.225.500</b>
- Các cổ đông phổ thông	1.181.610.300	626.728.500
- Phạt hành chính thuế		12.497.000
<b>10.8- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>302.480.064</b>	<b>198.810.064</b>
<b>Cộng</b>	<b>367.572.310.132</b>	<b>151.609.667.331</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	1	2	3	4	5	6	7
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	100.000.000.000	(75.000.000)	242.342.488	3.327.614.600	1.098.145.900	3.510.230.980	108.103.333.968
Tăng vốn trong năm trước						488.444.762	488.444.762
Lãi trong năm trước					175.511.549	2.655.321.181	2.830.832.730
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước			416.649.972				416.649.972
Giảm khác			242.342.488			3.473.261.549	3.715.604.037
<b>Số dư cuối năm trước.</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>	<b>(416.649.972)</b>	<b>3.327.614.600</b>	<b>1.273.657.449</b>	<b>3.180.735.374</b>	<b>107.290.357.451</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>							
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay					160.000.000	187.158.527	187.158.527
Tăng khác							613.706.775
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác(*)			37.056.803			3.157.900.000	3.194.956.803
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>		<b>3.327.614.600</b>	<b>1.433.657.449</b>	<b>209.993.901</b>	<b>104.896.265.950</b>

**Ghi chú (\*):** Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Chi cô tức năm 2011

- Trích Quỹ dự phòng tài chính

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi

**Cộng**

2.797.900.000  
160.000.000  
200.000.000  
**3.157.900.000**

TP. HỒ  
LIÊN TỈNH  
KIỂM TOÁN  
NH KẾ T  
HỘ TỬ  
HIỆM HỮU  
1729  
24  
G-T.HẢI  
NG TY  
PHẦN  
NG PH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	Năm 2012		Số cuối năm	Số đầu năm
	Tỷ lệ			
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
- Vốn góp của Nhà nước			100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%		100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
<b>Vốn đầu tư của chủ SH</b>			<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Vốn góp đầu năm			100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm				
- Vốn góp giảm trong năm			100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối năm			2.243.018.200	2.997.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia				
<b>d) Cổ phiếu</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông			10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi				
- Số lượng cổ phiếu được mua lại			7.500	7.500
+ Cổ phiếu phổ thông			7.500	7.500
+ Cổ phiếu ưu đãi				
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông			9.992.500	9.992.500
+ Cổ phiếu ưu đãi				
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP</i>			<b>4.761.272.049</b>	<b>4.601.272.049</b>
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>			3.327.614.600	3.327.614.600
- Quỹ đầu tư phát triển			1.433.657.449	1.273.657.449
- Quỹ dự phòng tài chính				
- Quỹ khác thuộc vốn CSH				
<b>12. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>			<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng			176.836.196.213	185.271.355.526
- Doanh thu bán thành phẩm			322.005.728.294	301.568.016.951
- Doanh thu cung cấp dịch vụ			14.925.119.237	12.787.386.240
<b>Cộng</b>			<b>513.767.043.744</b>	<b>499.626.758.717</b>
<b>13. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>			<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
+ Chiết khấu thương mại				
+ Giảm giá hàng bán				
+ Hàng bán trả lại				
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt				
+ Thuế xuất khẩu				
<b>Cộng</b>				
<b>14. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>			<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa			176.836.196.213	185.271.355.526
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa			322.005.728.294	301.568.016.951
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ			14.925.119.237	12.787.386.240
<b>Cộng</b>			<b>513.767.043.744</b>	<b>499.626.758.717</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

	Số năm nay	Số năm trước
<b>15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	174.149.314.803	180.834.215.614
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	320.247.815.404	294.724.995.540
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.672.532.399	7.358.401.001
<b>Cộng</b>	<b>505.069.662.606</b>	<b>482.917.612.155</b>
<b>16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay, tiền gửi	4.006.899.229	6.853.555.473
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	513.031.866	1.951.493.482
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	271.742.049	
- Lãi bán hàng trả chậm	2.749.607.945	591.350.308
<b>Cộng</b>	<b>7.541.281.089</b>	<b>9.396.399.263</b>
<b>17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay	8.979.329.895	3.534.221.127
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.234.451.778	18.168.982.167
<b>Cộng</b>	<b>11.213.781.673</b>	<b>21.703.203.294</b>
<b>18. THU NHẬP KHÁC</b>		
- Thanh lý tài sản	96.500.000	96.500.000
- Thu nhập khác	5.915.314	3.900.573
<b>Cộng</b>	<b>102.415.314</b>	<b>100.400.573</b>
<b>19. CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Giá trị còn lại của TS thanh lý	30.442.844	45.000.000
- Lãi chậm nộp thuế GTGT	116.760.480	50.024.170
- Chi phí khác	1.250.490	13.962.050
<b>Cộng</b>	<b>148.453.814</b>	<b>108.986.220</b>
<b>20. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	49.665.756	14.172.652
<b>Cộng</b>	<b>49.665.756</b>	<b>14.172.652</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

	Số năm nay	Số năm trước		
<b>21. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ</b>				
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	236.824.283	502.617.414		
b- Các khoản điều chỉnh tăng	555.056.754	63.821.170		
- Chi phí không hợp lệ	127.460.480	63.821.170		
- Lỗi do đánh giá CLTG cuối năm	427.596.274			
c- Các khoản điều chỉnh giảm		416.649.972		
- Chênh lệch lỗ tỷ giá đánh giá lại khoản công nợ phải trả		416.649.972		
d- Tổng thu nhập chịu thuế ( d=a+b-c)	791.881.037	149.788.612		
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	725.823.881	98.288.612		
+ Các khoản thu nhập khác	66.057.156	51.500.000		
e-Thuế TNDN phải nộp	125.387.871	27.618.292		
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	108.873.582	14.743.292		
+ Các khoản thu nhập khác	16.514.289	12.875.000		
f- Thuế TNDN được miễn giảm	75.722.115	13.445.640		
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	70.767.828	9.583.140		
+ Các khoản thu nhập khác	4.954.287	3.862.500		
g- Thuế TNDN còn phải nộp	49.665.756	14.172.652		
h- Lợi nhuận sau thuế TNDN ( h=a-h)	187.158.527	488.444.762		
<b>22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	Số năm nay	Số năm trước		
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	187.158.527	488.444.762		
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:				
Các khoản điều chỉnh tăng				
Các khoản điều chỉnh giảm				
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	187.158.527	488.444.762		
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.992.500	9.992.500		
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18,73	49		
<b>23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	Số năm nay	Số năm trước		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.965.772.953	576.470.115.059		
- Chi phí nhân công	3.576.711.731	3.525.478.611		
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.503.722.040	8.493.746.765		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.440.534	258.516.942		
- Chi phí bằng tiền khác	884.292.146	487.075.997		
<b>Cộng</b>	<b>659.055.939.404</b>	<b>589.234.933.374</b>		
<b>24. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</b>	Số năm nay	Số năm trước		
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	10.000.000			
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>			
<b>25. THÔNG TIN BỔ SUNG</b>				
25.1- Giao dịch với các bên có liên quan:				
Trong năm 2012, Công ty không phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan.				
Tại ngày 31/12/2012, số dư của các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:				
<b>Đối tượng</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số cuối năm phải thu</b>	<b>Số đầu năm phải thu</b>
- Ông Nguyễn Trung Hà	Thành viên HĐQT	Tạm ứng tiền công tác	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

00298748  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 TRƯỜNG PHÚ  
 HẢI DƯƠNG  
 50117  
 CÔNG T  
 CH NHIỆM H  
 CH VỤ T  
 CHÍNH K  
 VÀ KIỂM  
 PHÍA N  
 TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**25.2- Báo cáo bộ phận**

**25.2.1- Báo cáo bộ phận:** Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh gồm sản xuất, kinh doanh dây đồng, các sản phẩm dây và cáp, gia công dây đồng, dây cáp.

b- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hải Dương và Hà Nội

**25.2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động gia công	Tổng
<b>A- Kết quả</b>				
1- Doanh thu thuần	322.005.728.294	176.836.196.213	14.925.119.237	513.767.043.744
2- Chi phí	325.521.650.331	177.045.552.383	10.916.978.247	513.484.180.961
- Giá vốn hàng bán ra	320.247.814.370	174.149.314.803	10.672.533.433	505.069.662.606
- Chi phí quản lý	2.364.118.678	1.298.305.334	109.578.029	3.772.002.041
- Chi phí bán hàng	607.961.576	333.874.845	28.179.309	970.015.730
- Hoạt động tài chính	2.301.755.707	1.264.057.401	106.687.476	3.672.500.584
+ Chi phí tài chính	7.028.286.416	3.859.730.826	325.764.431	11.213.781.673
+ Thu nhập tài chính	4.726.530.709	2.595.673.426	219.076.954	7.541.281.089
<b>3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(3.515.922.037)</b>	<b>(209.356.170)</b>	<b>4.008.140.990</b>	<b>282.862.783</b>
<b>B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận</b>	<b>296.113.540.517</b>	<b>162.616.958.492</b>	<b>13.725.003.972</b>	<b>472.455.502.981</b>
<b>C- Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>230.325.568.069</b>	<b>126.488.114.245</b>	<b>10.675.700.041</b>	<b>367.489.382.355</b>
<b>D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ</b>	<b>2.631.514.009</b>	<b>1.445.151.085</b>	<b>121.971.931</b>	<b>4.198.637.025</b>
<b>E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước</b>	<b>11.194.473.183</b>	<b>6.147.679.629</b>	<b>518.869.177</b>	<b>17.861.021.989</b>
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	2.631.514.009	1.445.151.085	121.971.931	4.198.637.025
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	8.562.959.174	4.702.528.544	396.897.246	13.662.384.964



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**25.2.3- Công cụ tài chính****a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	110.211.578.783	18.384.244.403			110.211.578.783	18.384.244.403
- Phải thu của khách hàng	68.795.023.114	52.419.211.605			68.795.023.114	52.419.211.605
- Phải thu ngắn hạn khác	1.915.268.668	1.005.538.200			1.915.268.668	1.005.538.200
<b>Cộng</b>	<b>180.921.870.565</b>	<b>71.808.994.208</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>180.921.870.565</b>	<b>71.808.994.208</b>

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2011
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ ngắn hạn	218.939.050.614	101.447.935.055			218.939.050.614	101.447.935.055
- Phải trả người bán	134.924.470.084	44.519.016.348			134.924.470.084	44.519.016.348
- Chi phí phải trả	203.600.880	203.600.880			203.600.880	203.600.880
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.181.610.300	639.225.500			1.181.610.300	639.225.500
<b>Cộng</b>	<b>355.248.731.878</b>	<b>146.809.777.783</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>355.248.731.878</b>	<b>146.809.777.783</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**b.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty có ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do việc mua nguyên vật liệu được thực hiện bằng tiền, nhưng đầu ra bán hàng được thực hiện bằng đồng Việt nam và có đảm bảo bằng đồng ngoại tệ tại thời điểm bán hàng và xác định công nợ nên việc rủi ro về tỷ giá ngoại tệ được bù đắp.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất thấp và cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

**b.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty có khả năng tài chính ổn định, những khách hàng nhỏ, lẻ việc thanh toán theo phương thức thanh toán ngay trước khi giao hàng, ngoại trừ có một số khách hàng có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong ngành dây và cáp Công ty có áp dụng cho thanh toán trả chậm có giới hạn.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giám thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trong năm không phát sinh các khoản phải thu khó đòi. Tuy nhiên cũng có một số công ty phát sinh công nợ từ những năm trước đó là các khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán, đến nay vẫn chưa đòi được vì các đối tác đó thay đổi ban lãnh đạo, các khoản thu này được xác định là rất khó đòi được trong năm nay, có thể sẽ phải dùng các biện pháp mạnh hơn thì mới thu hồi được.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

1298748

IG TY  
PHẦN  
NG PH

T.H

1178

IG TY  
H HỮU

U TỬ  
H KẾ

EM T C  
A NA

P. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

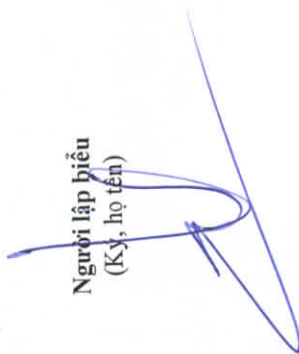
Năm 2012

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26- Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*